

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Thiết kế Cấp thoát Nước, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Công ty Thiết kế Cấp thoát nước được thành lập theo Quyết định số 55A/BXD - TCLĐ ngày 05 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 27 tháng 4 năm 1995, Công ty Thiết kế Cấp thoát nước đổi tên thành Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam. Ngày 31 tháng 5 năm 2002, Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam đổi tên thành Công ty Nước và Môi trường Việt Nam.

Công ty chuyển mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1427/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103014795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006.

Trụ sở chính của Công ty tại số 5 Đường Thành, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Như Hà	Chủ tịch
	Ông Đinh Viết Đường	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Thành	Ủy viên
	Bà Đặng Thị Mai Hương	Ủy viên
	Ông Nguyễn Ánh Hoàng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Đinh Viết Đường	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Lưu Việt	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Đình Viết Đường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2010

Số: 266 /2010/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.630.601.566	48.997.439.008
A (100 = 110+120+130+140+150)				
I Tiền	110	5.1	1.091.003.517	11.216.472.699
1 Tiền	111		1.091.003.517	11.216.472.699
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	2.000.000.000	3.896.310.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.000.000.000	3.896.310.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.319.121.376	11.620.603.209
1 Phải thu khách hàng	131		7.115.560.405	8.544.655.980
2 Trả trước cho người bán	132		117.450.401	1.433.401.600
3 Các khoản phải thu khác	135	5.3	1.086.110.570	1.642.545.629
IV Hàng tồn kho	140	5.4	18.612.410.106	18.409.547.586
1 Hàng tồn kho	141		18.612.410.106	18.409.547.586
V Tài sản ngắn hạn khác	150		3.608.066.567	3.854.505.514
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.153.368.727	748.611.674
2 Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	2.454.697.840	3.105.893.840
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.696.816.482	20.093.352.922
B (200 = 220+250+260)				
I Tài sản cố định	220		6.350.960.676	5.617.075.379
1 Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	6.301.789.676	672.674.965
<i>Nguyên giá</i>	222		8.619.419.975	3.098.815.867
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.317.630.299)	(2.426.140.902)
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	49.171.000	4.944.400.414
II Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	11.139.749.605	11.139.749.605
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.389.749.605	10.389.749.605
2 Đầu tư dài hạn khác	258		750.000.000	750.000.000
III Tài sản dài hạn khác	260		3.206.106.201	3.336.527.938
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	3.206.106.201	3.336.527.938
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		54.327.418.048	69.090.791.930

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
A NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		25.499.749.607	46.112.446.754
I Nợ ngắn hạn	310		25.204.404.948	45.265.943.951
1 Phải trả người bán	312		630.788.815	3.815.106.460
2 Người mua trả tiền trước	313		17.258.618.055	24.903.048.612
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	1.824.599.382	3.305.709.711
4 Phải trả người lao động	315		1.230.601.408	725.432.047
5 Chi phí phải trả	316		-	893.510.400
6 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	4.243.726.945	10.352.248.278
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16.070.343	1.270.888.443
II Nợ dài hạn	330		295.344.659	846.502.803
1 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		83.293.484	83.293.484
2 Doanh thu chưa thực hiện	338		212.051.175	763.209.319
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
B (400 = 410+430)	400		28.827.668.441	22.978.345.176
I Vốn chủ sở hữu	410	5.13	28.817.668.441	22.968.345.176
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.000.000.000	21.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.885.571	-
2 Quỹ đầu tư phát triển	417		1.951.642.976	1.951.642.976
3 Quỹ dự phòng tài chính	418		16.702.200	16.702.200
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.847.437.694	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		10.000.000	10.000.000
1 Nguồn kinh phí	432		10.000.000	10.000.000
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		54.327.418.048	69.090.791.930



Đình Viết Đường

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2010

Giang Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		84.007.015.692	83.267.905.231
2 Các khoản giảm trừ	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	5.14	84.007.015.692	83.267.905.231
4 Giá vốn hàng bán	11	5.15	71.959.518.810	73.079.655.149
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12.047.496.882	10.188.250.082
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	1.090.900.779	1.421.678.369
7 Chi phí tài chính	22	5.16	743.650	54.400.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	54.400.000
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.17	5.753.178.749	4.186.902.419
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		7.384.475.262	7.368.626.032
11 Thu nhập khác	31		296.471.418	496.247.294
12 Chi phí khác	32		3.088.354	408.818.464
13 Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.18	293.383.064	87.428.830
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		7.677.858.326	7.456.054.862
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	1.760.908.732	1.948.360.588
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.916.949.594	5.507.694.274
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	2.818	2.623



Đình Viết Đường

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2010

Giang Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	7.677.858.326	7.456.054.862
2 Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	356.040.900	239.729.789
- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.885.571)	(2.016.510)
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.090.900.779)	(1.353.036.389)
- Chi phí lãi vay	06	-	54.400.000
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	6.941.112.876	6.395.131.752
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	3.952.677.833	(2.405.880.325)
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(202.862.520)	(7.170.627.063)
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(17.063.164.411)	6.052.954.390
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(274.335.316)	408.729.847
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(54.400.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.224.849.697)	(2.328.283.068)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.254.818.100)	(968.745.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10.126.239.335)	(71.119.467)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.089.926.197)	(1.142.853.771)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	355.641.840
2 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(8.896.310.000)
3 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.896.310.000	17.000.000.000
2 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.090.900.779	1.353.036.389
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.897.284.582	8.669.514.458
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
2 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	8.000.000.000
3 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(8.000.000.000)
4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.898.400.000)	(1.998.150.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.898.400.000)	(1.998.150.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(10.127.354.753)	6.600.244.991
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.216.472.699	4.614.211.198
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.885.571	2.016.510
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.091.003.517	11.216.472.699



Đinh Viết Đường

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2010

Giang Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Thiết kế Cấp thoát Nước, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Công ty Thiết kế Cấp thoát nước được thành lập theo Quyết định số 55A/BXD - TCLĐ ngày 05 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 27 tháng 4 năm 1995, Công ty Thiết kế Cấp thoát nước đổi tên thành Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam. Ngày 31 tháng 5 năm 2002, Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam đổi tên thành Công ty Nước và Môi trường Việt Nam.

Công ty chuyển mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1427/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103014795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006.

Trụ sở chính của Công ty tại số 5 Đường Thành, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Tư vấn đầu tư và xây dựng: Tư vấn, tổng thầu tư vấn, khảo sát, thiết kế, quản lý các dự án công trình cấp thoát nước, chất thải rắn và vệ sinh môi trường bao gồm: Lập và thẩm tra các báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, hồ sơ thiết kế, tổng dự toán; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về tư vấn, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công, lắp đặt; Nghiên cứu lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Lập quy hoạch chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp; Khảo sát địa hình, địa chất, công trình, địa chất thủy văn, môi sinh, môi trường, thí nghiệm không khí, đất và nước; Thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán và thẩm tra thiết kế, tổng dự toán và dự toán các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây tải điện và trạm biến thế điện; Quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công xây dựng, kiểm tra thiết bị, vật tư, thi công xây lắp, nghiệm thu, bàn giao và thanh quyết toán các công trình xây dựng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;
- Nhận thầu thi công xây dựng, lắp đặt và cung ứng vật tư thiết bị cho các công trình cấp, thoát nước và công trình xử lý nước thải, các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình điện, đường dây và trạm biến thế đến 35 KV; Tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chia khóa giao tay; khoan khai thác nước ngầm.
- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, kinh doanh và kinh doanh xuất nhập vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường;
- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đào tạo trong lĩnh vực chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: tư vấn khảo sát, thiết kế và giám sát thi công.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng cân đối kế toán theo quy định hiện hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>2009</u> <u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	30 - 50
Thiết bị quản lý	03 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 30

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chênh lệch tăng của vốn Nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2005 theo phương pháp đồng tiền chiết khấu và một số khoản chi phí khác. Khoản chênh lệch này được phân bổ vào chi phí với thời gian 10 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

10
C
P
M
T
1/1/11

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
Tiền mặt	81.340.786	1.271.885.422
Tiền gửi ngân hàng	1.009.662.731	9.944.587.277
Tổng	<u>1.091.003.517</u>	<u>11.216.472.699</u>

5.2 Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31/12/2009 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

5.3 Các khoản phải thu khác

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
Phải thu người lao động	625.781.033	808.959.027
Phải thu người lao động về thuế TNCN	314.302.838	697.655.068
Phải thu khác	146.026.699	135.931.534
Tổng	<u>1.086.110.570</u>	<u>1.642.545.629</u>

5.4 Hàng tồn kho

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.612.410.106	18.409.547.586
Tổng	<u>18.612.410.106</u>	<u>18.409.547.586</u>

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2.454.697.840	3.105.893.840
Tổng	<u>2.454.697.840</u>	<u>3.105.893.840</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tại ngày 01 tháng 01	748.611.674	933.491.805
Tăng trong năm	1.151.483.156	748.611.674
Đã kết chuyển chi phí	746.726.103	933.491.805
Tại ngày 31 tháng 12	1.153.368.727	748.611.674
	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.089.903.727	748.611.674
Chi phí sửa chữa	63.465.000	-
Tổng	1.153.368.727	748.611.674

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2009	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>				
Tại ngày 01 tháng 01	570.624.348	1.914.360.857	613.830.662	3.098.815.867
Tăng trong năm	3.903.088.750	1.390.655.334	694.499.881	5.988.243.965
Mua trong năm	-	627.056.272	36.173.507	663.229.779
XDCB hoàn thành	3.903.088.750	763.599.062	658.326.374	5.325.014.186
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	467.639.857	-	467.639.857
Thanh lý, nhượng bán	-	467.639.857	-	467.639.857
Tại ngày 31 tháng 12	4.473.713.098	2.837.376.334	1.308.330.543	8.619.419.975
<u>Giá trị hao mòn lũy kế</u>				
Tại ngày 01 tháng 01	523.341.974	1.411.863.859	490.935.069	2.426.140.902
Tăng trong năm	89.458.329	134.538.198	132.044.373	356.040.900
Khấu hao trong năm	89.458.329	134.538.198	132.044.373	356.040.900
Giảm trong năm	-	464.551.503	-	464.551.503
Thanh lý, nhượng bán	-	464.551.503	-	464.551.503
Tại ngày 31 tháng 12	612.800.303	1.081.850.554	622.979.442	2.317.630.299
<u>Giá trị còn lại</u>				
Tại ngày 01 tháng 01	47.282.374	502.496.998	122.895.593	672.674.965
Tại ngày 31 tháng 12	3.860.912.795	1.755.525.780	685.351.101	6.301.789.676

Nguyên giá thiết bị dụng cụ quản lý, phương tiện vận tải đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2009 lần lượt là 404.358.861 đồng và 824.831.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tại ngày đầu năm	4.944.400.414	3.768.131.924
Tăng trong năm	429.784.772	1.176.268.490
Kết chuyển tài sản cố định	5.325.014.186	-
Cuối kỳ	49.171.000	4.944.400.414
	31/12/2009	01/01/2009
<i>Chi tiết theo công trình</i>	VND	VND
Dự án Nhà máy nước Như Quỳnh	49.171.000	4.944.400.414
Tổng	49.171.000	4.944.400.414

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	10.389.749.605	10.389.749.605
Đầu tư dài hạn khác	750.000.000	750.000.000
<i>Đầu tư cổ phiếu (Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA LAND)</i>	750.000.000	750.000.000
Tổng	11.139.749.605	11.139.749.605

Thông tin về các công ty liên doanh

Công ty	Ngành nghề	% sở hữu (theo Giấy ĐKKD)	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Cty TNHH Cấp nước	SX, KD	49	882.000.000	882.000.000
Yên Lập - Quảng Ninh	nước sạch			
Tổng			882.000.000	882.000.000

Thông tin về các công ty liên kết

Công ty	Ngành nghề	% sở hữu (theo Giấy CNĐKKD)	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Công ty CP Đầu tư phát triển An Việt	KD nước sạch	42,59	5.332.000.000	5.332.000.000
Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	Tư vấn	48,81	1.855.800.000	1.855.800.000
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	Tư vấn	48,97	1.385.860.000	1.385.860.000
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Lạc Việt	Tư vấn	44,48	934.089.605	934.089.605
Tổng			9.507.749.605	9.507.749.605

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tại ngày đầu năm	3.336.527.938	3.560.377.654
Tăng trong năm	539.125.455	292.150.000
Đã kết chuyển chi phí	669.547.192	515.999.716
Tại ngày 31 tháng 12	3.206.106.201	3.336.527.938
	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chênh lệch giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khi XĐGTDN cổ phần hóa	2.769.280.135	3.164.780.136
Phí bảo hiểm tư vấn	77.409.094	171.747.802
Chi phí sửa chữa TSCĐ	359.416.972	-
Tổng	3.206.106.201	3.336.527.938

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	842.397.084	1.245.234.675
Thuế thu nhập doanh nghiệp	624.898.354	1.088.839.319
Thuế thu nhập cá nhân	357.303.944	971.635.717
Tổng	1.824.599.382	3.305.709.711

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Kinh phí công đoàn	27.629.641	23.383.357
Phải trả về cổ phần hóa	-	138.079.729
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.216.097.304	10.190.785.192
<i>Phải trả các đội nhận khoán</i>	<i>4.031.097.304</i>	<i>8.051.446.108</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>-</i>	<i>1.898.400.000</i>
<i>Bảo lãnh hợp đồng lao động</i>	<i>185.000.000</i>	<i>160.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>-</i>	<i>80.939.084</i>
Tổng	4.243.726.945	10.352.248.278

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Vốn điều lệ

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Vốn đã ghi nhận
	CP	Số tiền	Tỷ lệ	31/12/2009
		VND	%	VND
Vốn Nhà nước	1.060.500	10.605.000.000	50,5	10.605.000.000
Các cổ đông khác	1.039.500	10.395.000.000	49,5	10.395.000.000
Tổng	2.100.000	21.000.000.000	100	21.000.000.000

Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
Tại 01/01/2008	21.000.000.000	-	572.470.171	16.702.200	-
Tăng trong năm	-	-	1.379.172.805	-	5.507.694.274
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	5.507.694.274
Trích lập quỹ	-	-	1.379.172.805	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	5.507.694.274
Trích lập quỹ	-	-	-	-	2.758.345.609
Chia cổ tức	-	-	-	-	2.730.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	19.348.665
Tại 31/12/2008	21.000.000.000	-	1.951.642.976	16.702.200	-
Tại 01/01/2009	21.000.000.000	-	1.951.642.976	16.702.200	-
Tăng trong năm	-	1.885.571	-	-	5.916.949.594
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	5.916.949.594
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	1.885.571	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	69.511.900
Giảm khác	-	-	-	-	69.511.900
Tại 31/12/2009	21.000.000.000	1.885.571	1.951.642.976	16.702.200	5.847.437.694

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	21.000.000.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	21.000.000.000	21.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	5.488.345.609

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

5.13 Vốn đầu tư của Chủ sở hữu (Tiếp theo)**Cổ phiếu**

	31/12/2009	01/01/2009
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu thường</i>	21.000.000	21.000.000
Số cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu thường</i>	21.000.000	21.000.000

5.14 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	79.440.821.338	67.506.976.335
Doanh thu vật tư, xây lắp	4.556.221.309	15.760.928.896
Doanh thu kinh doanh nước sạch	9.973.045	-
Tổng	84.007.015.692	83.267.905.231

5.15 Giá vốn hàng bán

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	67.407.080.963	58.028.287.956
Trong đó:		
- <i>Lương</i>	33.473.734.480	29.940.265.941
- <i>Chi phí chung</i>	33.933.346.483	28.088.022.015
Giá vốn vật tư, xây lắp	4.391.437.294	15.051.367.193
Giá vốn kinh doanh nước sạch	161.000.553	-
Tổng	71.959.518.810	73.079.655.149

5.16 Doanh thu / Chi phí tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	456.677.379	857.428.709
Cổ tức, lợi nhuận được chia	634.223.400	495.607.680
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.016.510
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	66.625.470
Tổng	1.090.900.779	1.421.678.369
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	-	54.400.000
Chênh lệch tỷ giá	743.650	-
Tổng	743.650	54.400.000
Doanh thu tài chính thuần	1.090.157.129	1.367.278.369

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.213.375.868	2.099.446.538
Chi phí vật liệu quản lý	687.090.024	305.453.076
Chi phí đồ dùng văn phòng	367.982.940	31.991.495
Chi phí khấu hao TSCĐ	32.040.340	53.066.939
Thuế, phí, lệ phí	119.226.966	72.644.616
Phân bổ lợi thế kinh doanh doanh nghiệp	395.500.000	395.597.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.719.188	550.358.514
Chi phí bằng tiền khác	727.243.423	631.449.119
Chi phí dự phòng	-	46.894.604
Tổng	5.753.178.749	4.186.902.419

5.18 Thu nhập và chi phí khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý TSCĐ	162.725.454	355.641.840
Thu từ cho thuê cửa hàng, văn phòng	94.636.360	105.105.454
Thu từ chấm dứt hợp đồng lao động	37.000.000	35.500.000
Thu nhập khác	2.109.604	-
Tổng	296.471.418	496.247.294
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	3.088.354	408.818.464
Tổng	3.088.354	408.818.464
Thu nhập khác thuần	293.383.064	87.428.830

5.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.677.858.326	7.456.054.862
Điều chỉnh tăng	-	-
Điều chỉnh giảm	(634.223.400)	(497.624.190)
+ <i>Lãi cổ tức</i>	(634.223.400)	(495.607.680)
+ <i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ</i>	-	(2.016.510)
Lợi nhuận chịu thuế	7.043.634.926	6.958.430.672
Thuế suất áp dụng	25%	28%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.760.908.732	1.948.360.588

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.916.949.594	5.507.694.274
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Điều chỉnh cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Điều chỉnh chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã phân loại vào vốn chủ sở hữu</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.916.949.594	5.507.694.274
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.100.000	2.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	2.818	2.623

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thành viên HĐQT và Ban điều hành	Lương cho thành viên HĐQT và Ban điều hành	1.612.354.651	1.257.221.330

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giao dịch mua hàng				
Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	Công ty liên kết	Thầu B phụ	6.848.121.668	7.164.498.442
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	Công ty liên kết	Thầu B phụ	3.974.674.311	4.199.602.633
		Mua thiết bị	10.675.455	159.935.775
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Lạc Việt	Công ty liên kết	Thầu B phụ	1.288.198.369	1.792.089.452
Công ty CP Đầu tư phát triển An Việt	Công ty liên kết	Mua vật tư	156.931.817	338.951.865
		Sửa chữa TSCD	539.125.455	-
		Thầu B phụ	1.176.993.765	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Các khoản phải thu				
Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	Công ty liên kết	Trả trước cho người bán	-	1.000.000.000
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	Công ty liên kết	Trả trước cho người bán	42.183.901	84.367.800
Công ty CP Đầu tư phát triển An Việt	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	17.080.000	-
Các khoản phải trả				
Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	Công ty liên kết	Phải trả người bán	-	1.801.259.863
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	Công ty liên kết	Phải trả người bán	79.432.200	1.101.601.776
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Lạc Việt	Công ty liên kết	Phải trả người bán	-	150.000.000
Công ty CP Đầu tư phát triển An Việt	Công ty liên kết	Người mua trả tiền trước	104.442.525	-
		Phải trả người bán	38.941.400	-

6.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM).

Một số khoản mục đã được trình bày, phân loại lại cho phù hợp với mục đích trình bày Báo cáo tài chính năm hiện tại.

**Đình Việt Đường****Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2010

Giang Hồng Hạnh**Kế toán trưởng**

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

PHỤ LỤC

Phụ lục số 01 - Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ (năm 2009)		Số còn phải nộp cuối kỳ 7=2+3-4
		Số phải nộp	Số đã nộp	
1	2	3	4	7=2+3-4
I. Thuế	3.305.709.711	6.606.842.707	8.087.953.036	1.824.599.382
1. Thuế GTGT	1.245.234.675	4.322.045.503	4.724.883.094	842.397.084
2. Thuế TNDN	1.088.839.319	1.760.908.732	2.224.849.697	624.898.354
3. Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
4. Thuế thu nhập cá nhân	971.635.717	520.888.472	1.135.220.245	357.303.944
5. Thuế khác	-	-	-	-
Tổng	3.305.709.711	6.606.842.707	8.087.953.036	1.824.599.382

Phụ lục số 02 - Chi tiết các khoản chi phí cho phần dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế

Chỉ tiêu	Năm 2009 VND
1. Lương	
- Tại Văn phòng Công ty	3.022.303.500
- Tại các đơn vị sản xuất	33.473.734.480
Tổng	36.496.037.980
2. Chi phí chung	
- Tại Văn phòng Công ty	2.673.343.462
- Tại các đơn vị sản xuất	33.933.346.483
Tổng	36.606.689.945